

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 181/2024/DS-ST
Ngày: 16/9/2024
V/v “Tranh chấp hợp đồng góp
hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Mai Trần Phúc;
- Bà Nguyễn Xuân Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 329/2024/TLST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 202/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 104/2024/QĐST-DS ngày 04/9/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1961; nơi cư trú: khu phố A, Phường D, Thành phố T, tỉnh Tây Ninh (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- Bị đơn: chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1982, nơi cư trú: ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – bà Nguyễn Thị G trình bày:

Bà và chị Nguyễn Thị D không có mối quan hệ quen biết nhau từ trước. Con trai bà là anh Lê Thành N đi làm chung với chị D và được biết chị D là chủ hụi nên về nói với bà chơi hụi của chị D để có tiền tiết kiệm dưỡng già. Bà chơi của chị D các dây hụi cụ thể như sau:

Dây hội thứ nhất: hội 2.000.000 đồng, khai ngày 25/5/2022 AL, hội mãn tháng 3/2024 AL, gồm 24 phần, bà tham gia 01 phần, trong danh sách hội số thứ tự số 8 tên “Mẹ N”, bà đã đóng hội được 17 lần đến tháng 10/2023 thì ngưng do chị D bỏ địa phương đi đâu không biết, còn 05 lần nữa là hội mãn vì năm 2023 là năm nhuận, có 02 tháng 02 AL. Số tiền hội vốn bà đã đóng cho chị D là 17 lần x 1.250.000 đồng = 21.250.000 đồng; số tiền lãi hội bà được hưởng là 12.750.000 đồng.

Đối với dây hội thứ nhất, ngày 25 hàng tháng đóng hội, đóng hội bằng hình thức chuyển khoản hoặc tiền mặt. Do bà lớn tuổi nên bà thường nhờ con trai bà là anh N đến nhà chị D đóng hội thay cho bà, cũng có khi anh N chở bà đến nhà đóng hội cho chị D, khi đến nhà nếu gặp chị D thì đóng cho chị D, nếu chị D đi vắng thì gửi tiền cho mẹ chị D là bà T; tháng nào bận không đi đóng hội được thì bà đưa tiền cho con bà chuyển khoản cho chị D, chuyển bằng số tài khoản ngân hàng của anh N do tôi lớn tuổi không dùng tài khoản ngân hàng.

Dây hội thứ 2: Hội 5.000.000 đồng, khai ngày 16/3/2023 AL, hội mãn tháng 01/2025 AL, gồm 22 phần, bà mua 02 phần, 01 phần mua ngày 20/4/2023 AL chuyển khoản cho chị D 52.500.000 đồng, 01 phần mua ngày 16/7/2023 AL chuyển khoản cho chị D 60.000.000 đồng.

Dây hội thứ 3: Hội 2.000.000 đồng, khai ngày 02/2/2023 AL, không nhớ bao nhiêu phần, bà mua 01 phần chuyển khoản vào ngày 19/8/2022 DL cho chị D 36.400.000 đồng.

Tiền mua hội của dây hội thứ 2 và thứ 3 do con trai bà là anh N chuyển khoản cho chị D bằng tài khoản ngân hàng của anh N.

Nay bà yêu cầu chị D trả cho bà tiền hội gốc bà đã đóng là 21.250.000 đồng + tiền hội mua 52.500.000 đồng + 60.000.000 đồng + 36.400.000 đồng = 170.150.000 (một trăm bảy mươi triệu một trăm năm mươi nghìn) đồng, bà không yêu cầu tính lãi. Bà xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị D về số tiền lãi hội là 12.750.000 đồng.

Về án phí: yêu cầu chị D chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: bà G, bà D vắng mặt nên không có lời khai, lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: căn cứ Điều 471 của Bộ luật Dân sự 2015; nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, họ, họ, họ, họ; Điều 147, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị G. Buộc bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ trả cho bà G số tiền hui 170.150.000 (một trăm bảy mươi triệu một trăm năm mươi nghìn) đồng. Ghi nhận bà G không yêu cầu tính lãi.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà G đối với số tiền lãi hui 12.750.000 (mười hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

Các đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: bà Nguyễn Thị G khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị D có địa chỉ tại: ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh có nghĩa vụ trả bà số tiền hui 170.150.000 (một trăm bảy mươi triệu một trăm năm mươi nghìn) đồng; đây là “Tranh chấp hợp đồng góp hui”, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: tại phiên toà nguyên đơn bà Nguyễn Thị G có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bà Nguyễn Thị D đã được triệu tập hợp lệ, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà G, bà D.

[3] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền 170.150.000 (một trăm bảy mươi triệu một trăm năm mươi nghìn) đồng thấy rằng.

[3.1] Xét về chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và số tiền hui chết theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn giao nộp chứng cứ là sổ hui của dây hui 2.000.000 đồng khai ngày 25/5/2022 âm lịch và việc theo dõi đóng hui của bà G. Lời khai của người làm chứng anh Cao Minh Chủ A (bút lục 33); chị Nguyễn Thị H (bút lục 28). Có căn cứ chấp nhận lời trình bày của bà G về việc bà G có tham gia góp dây hui 2.000.000 đồng khai ngày 25/5/2022 âm lịch và đóng hui được 17 lần đến tháng 10/2023 thì ngưng do chị D bỏ địa phương đi. Do chị D bỏ

địa phương đi Tòa đã nhiều lần triệu tập nhưng chị D không đến Tòa để cung cấp lời khai và tài liệu chứng cứ kèm theo. Căn cứ vào sổ sách theo dõi hui do bà G cung cấp, lời khai của bà G và người làm chứng có căn cứ chấp nhận lời trình bày của bà G về số tiền hui gốc đã đóng được là 21.250.000 đồng.

Đối với số tiền mua hui 52.500.000 đồng + 60.000.000 đồng + 36.400.000 đồng của dây hui 5.000.000 đồng, khai ngày 16/3/2023 A1 và dây hui 2.000.000 đồng, khai ngày 02/2/2023 AL. Bà G cung cấp chứng cứ chứng minh là thông tin chuyển khoản từ tài khoản 102867810816 của anh Lê Thành N mở tại Ngân hàng TMCP C chuyển đến tài khoản 5706205158940 của chị Nguyễn Thị D mở tại Ngân hàng N1 (bút lục 20,21,22), nội dung chuyển tiền hui. Anh N trình bày số tiền này là anh N chuyển tiền dùm cho bà G mục đích bà G mua các phần hui của chị D1 đang cần bán.

Như vậy có căn cứ chấp nhận lời trình bày của bà G về số tiền bà G đã mua hui của chị D1 là 148.900.000 đồng.

[3.2] Quá trình giải quyết vụ án bà G rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với chị D1 về số tiền lãi hui là 12.750.000 đồng, việc rút đơn của bà G là tự nguyện, không bị ai ép buộc. Hội đồng xét xử xem xét đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà G.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

Từ những nhận định trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà G buộc chị D1 trả số tiền hui gốc 170.150.000 (một trăm bảy mươi triệu một trăm năm mươi nghìn) đồng.

[4] Về án phí, chi phí tố tụng khác: Do yêu cầu khởi kiện của bà G được chấp nhận nên chị D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Bà G thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí và án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 471 của Bộ luật Dân sự 2015; nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, bút, phường; Điều 147, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị G đối với bà Nguyễn Thị D về “Tranh chấp hợp đồng góp hui”.

Buộc bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ trả cho Nguyễn Thị G số tiền hụi gốc 170.150.000 (một trăm bảy mươi triệu một trăm năm mươi nghìn) đồng. Ghi nhận bà G không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà G đối với số tiền lãi hụi 12.750.000 (mười hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị D phải chịu 8.507.500 (tám triệu năm trăm linh bảy nghìn năm trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà G thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí và án phí.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo:

Bà G, chị D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&TĐKT tòa án tỉnh TN;
- Lưu trữ tại TANDH Châu Thành;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thị Kim Ngân